TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 06-4-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

2. Ông Nguyễn Hoàng Lâm.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Hồ Thị Y Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Thị Đ, sinh năm 1988. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số nhà 547, ấp L, xã A, huyện HN, tỉnh Đ. Chổ ở hiện nay: tổ 3, sóc 5, xã M, huyện H, tỉnh B. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn*: Anh Phạm Văn N, sinh năm 1977. Địa chỉ: ấp L, xã A, huyện HN, tỉnh Đ. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/12/2020 quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn chị Thị Đ, trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh N cưới nhau vào ngày 17/7/2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện HN, tỉnh Đ. Hôn nhân do quen biết trước. Sau khi cưới chị và anh N cùng sinh sống bên gia đình anh N, cuộc sống vợ chồng lúc đầu hạnh phúc, vui vẻ nhưng sau đó vợ chồng thường hay mâu thuẫn, do

anh N ăn nhậu, không lo làm ăn, chị nhiều lần khuyên bảo, mẹ chồng và người thân cũng khuyên nhưng anh N không chịu sửa đổi nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nhiều, đến tháng 3/2015 thì chị đem 02 con chung về quê mẹ ruột ở tỉnh B sinh sống. Từ năm 2015 cho đến nay, anh N không có đến thăm con lần nào và cũng không gửi tiền, quà cho con, kể cả con nằm viện anh N cũng không đến thăm. Chị có cho con về quê thăm nội nhưng anh N cũng không quan tâm đến, không hỏi thăm tình hình cuộc sống ba mẹ con chị như thế nào. Nay tình cảm vợ chồng không còn nữa, hôn nhân không hàn gắn được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn N.

Về việc nuôi con: Chị và anh N chung sống có 02 con chung, con chung Phạm Thiên H, sinh ngày 20/8/2008 và con chung Phạm Thị N, sinh ngày 17/8/2010. Hiện 02 con chung sống cùng chị, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh N chung sống với nhau không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh N chung sống với nhau không có thiếu nợ cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tiến hành tố tụng. Bị đơn anh Phạm Văn N đã được Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh N vẫn không có mặt. Anh N có đơn xin vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm. Tại bản khai ngày 22/02/2021 bị đơn anh Phạm Văn N, trình bày: Anh và chị Đ kết hôn năm 2007, hôn nhân do tự tìm hiểu nhau trước và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, thời gian đầu sống hạnh phúc nhưng đến năm 2015 thì nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên không còn sống chung từ năm 2015 cho đến nay. Nay chị Đ yêu cầu ly hôn, anh thống nhất ly hôn, vì tình cảm không còn. Về con chung Phạm Thiên H, sinh năm 2008 và Phạm Thị N, sinh năm 2010 hiện 02 con chung đang sống cùng chị Đ. Sau khi ly hôn anh thống nhất giao 02 con cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng. Tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Thị Đ được ly hôn với anh Phạm Văn N. Về con chung: Giao cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng con chung Phạm Thiên H, sinh ngày 20/8/2008 và con chung Phạm Thị N, sinh ngày

17/8/2010, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có nên không đề cập đến.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Thị Đ có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện HN yêu cầu giải quyết ly hôn giữa chị và anh Phạm Văn N. Hiện anh N đang cư trú tại ấp L, xã A, huyện HN, tỉnh Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HN, tỉnh Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn chị Thị Đ, bị đơn anh Phạm Văn N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị Đ, anh N theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Thị Đ và anh Phạm Văn N được pháp luật công nhận. Vì, có đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 101, quyển 02 ngày 03/6/2008 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện HN, tỉnh Đ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Xét, yêu cầu ly hôn của chị Thị Đ là có căn cứ để chấp nhận, vì trong quá trình chung sống chị Đ, anh N đã có mâu thuẫn với nhau là có thật. Nhận thấy trong hôn nhân vợ chồng cần phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Tòa án đã tiến hành hòa giải cho chị Đ, anh N đoàn tụ nhưng chị Đ vẫn cương quyết ly hôn, vì vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc và đã không còn sống chung với nhau từ năm 2015 cho đến nay đã hơn 6 năm. Tại bản khai ngày 22/02/2021 anh Phạm Văn N trình bày "anh và chị Đ cũng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và không còn sống chung từ năm 2015 cho đến nay, nay chị Đ yêu cầu ly hôn anh thống nhất ly hôn". Đồng thời, anh N đã có đơn xin vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải và các phiên tòa cho thấy anh N không muốn đến Tòa án để hòa giải, hàn gắn tình cảm với chị Đ. Hội đồng xét xử nhận thấy, hôn nhân giữa chị Đ, anh N không thể hàn gắn được, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc chị Đ yêu cầu ly hôn với anh N là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Thị Đ được ly hôn với anh Phạm Văn N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về việc nuôi con: Hội đồng xét xử nhận thấy con chung Phạm Thiên H, sinh ngày 20/8/2008 và con chung Phạm Thị N, sinh ngày 17/8/2010 hiện đang sinh sống ổn định cùng chị Đ từ khi chị Đ và anh N không còn sống chung từ năm 2015 cho đến nay. Đồng thời, hai con chung N và Thiên H có nguyện vọng sống

cùng chị Đ. Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/02/2021 anh N cũng thống nhất giao 02 con cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử nghĩ nên tiếp tục giao con chung Thiên H và N cho chị Đ được tiếp tục trực tiếp, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng là đảm bảo tốt về quyền lợi mọi mặt và phát triển bình thường của con chung là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Đ tự nguyện không yêu cầu phù hợp với Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Về quyền thăm nom con chung: Sau khi ly hôn, anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh N lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Đ có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh N theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đ, anh N thống nhất trình bày anh chị chung sống không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[9] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HN là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn chị Thị Đ chịu 300.000 đồng án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012936 ngày 27/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 1, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Thị Đ. Cho chị Thị Đ được ly hôn với anh Phạm Văn N.

2. Về việc nuôi con:

2.1 Giao con chung Phạm Thiên H, sinh ngày 20/8/2008 và con chung Phạm Thị N, sinh ngày 17/8/2010 cho chị Thị Đ được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.2 Anh Phạm Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Đ tự nguyện không yêu cầu.

2.3 Về quyền thăm nom con chung: Sau khi ly hôn, anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh N lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Đ có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh N.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Thị Đ chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012936 ngày 27/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 06/4/2021). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện HN;
- Lưu hồ sơ, lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Thị Thùy Dung